

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

BÁO CÁO

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM KÊ ĐẤT ĐẠI NĂM 2024
PHƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2024
Phường Phan Đình Phùng – Thành phố Thái Nguyên

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI; TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA, THU THẬP SỐ LIỆU KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, NGUỒN GỐC SỐ LIỆU THU THẬP TẠI PHƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY CỦA SỐ LIỆU THU THẬP

1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1.1.1. Vị trí địa lý

Phường Phan Đình Phùng là một trong những phường trung tâm của thành phố Thái Nguyên, là đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp phường Hoàng Văn Thụ;
- Phía Đông giáp phường Túc Duyên, phía Đông Bắc giáp phường Trung Vương;
- Phía Tây Nam giáp phường Đồng Quang;
- Phía Nam giáp phường Gia Sàng.

1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Theo Báo cáo “Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2025”, kinh tế xã hội của phường đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

- Thu ngân sách Nhà nước tháng 10 ước đạt 2.427.000.000đ. Lũy kế hết tháng 10 ước đạt $27.832.000.000đ / 23.042.000.000đ = 120,8\%$ dự toán giao.
- Thu ngân sách phường tháng 10 ước đạt 2.846.000.000đ. Lũy kế hết tháng 10 ước đạt $13.648.000.000đ / 14.297.335.000đ = 95,5\%$ dự toán giao Trong đó thu điều tiết ngân sách lũy kế ước đạt $2.679.000.000đ / 2.213.700.000đ = 121\%$ dự toán
- Chi ngân sách phường tháng 10 ước thực hiện 1.100.000.000đ. Lũy kế hết tháng 10 ước thực hiện $12.020.000.000đ / 14.297.335.000đ = 84\%$ dự toán.
- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn phường diễn ra sôi động. Hàng hóa cung ứng đảm bảo nhu cầu mua sắm của nhân dân, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn. Giá cả các mặt hàng trên thị trường tương đối ổn định.

- Công tác thông tin tuyên truyền - Văn hóa, thể thao: Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền về các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và địa phương.

- Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn về lĩnh vực giáo dục: Tổng kết năm học 2023 - 2024, kết quả lên lớp thăng bậc THCS đạt 100%, tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt 98%; bậc Tiểu học tỷ lệ lên lớp thăng đạt 99,82%, tỷ lệ học sinh tiêu biểu, xuất sắc đạt 79,7%.

- Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, bà mẹ và trẻ em trên địa bàn. Khám chữa bệnh 610 lượt trong đó: Cấp phát thuốc tại trạm 500 lượt; xác nhận chuyên viện: 110 lượt bệnh nhân.

- Công tác an sinh xã hội: Đảm bảo chế độ chính sách đối với người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội khác được đầy mạnh; thực hiện chi trả trợ cấp đầy đủ cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định.

1.2. Tình hình tổ chức thực hiện, phương pháp điều tra, thu thập số liệu kiểm kê đất đai, nguồn gốc số liệu thu thập tại phường và đánh giá độ tin cậy của số liệu thu thập

1.2.1. Tình hình tổ chức thực hiện

1.2.1.1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/07/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ, công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;
- Căn cứ văn bản số 6237/ BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kiểm kê đất đai năm 2024;
- Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 16/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên về Kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1.2.1.2. Tình hình tổ chức thực hiện

Sau khi UBND thành phố xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện đối với các xã, phường. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tổ

chức hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho các thành viên tham gia thực hiện công tác thống kê đất đai.

- Đơn vị thi công đã phối hợp với cán bộ địa chính phường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành thu thập các tài liệu để phục vụ cho công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất như sau:

1.2.2. Phương pháp điều tra, thu thập số liệu kiểm kê đất đai

1.2.2.1. Phương pháp điều tra

Số liệu kiểm kê của phường được tổng hợp từ Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai bằng phần mềm thống nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với các chỉ tiêu kiểm kê bằng các phương pháp phiếu điều tra trực tiếp hoặc chỉ tiêu kiểm kê theo chuyên đề thực hiện gắn với kiểm kê định kỳ mà không tổng hợp được bằng phần mềm thì sử dụng công cụ tính toán truyền thống để tổng hợp và được quy định cụ thể trong từng kỳ kiểm kê

1.2.2.2. Thu thập số liệu kiểm kê đất đai

Thông tin hiện trạng sử dụng đất để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai của phường được thu thập bằng phương pháp điều tra, khoanh vẽ từ hồ sơ địa chính và các hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai, hồ sơ thanh tra, kiểm tra sử dụng đất đã thực hiện ở các cấp trong kỳ, kết hợp điều tra thực địa để rà soát chỉnh lý khu vực biến động và khoanh vẽ bổ sung các trường hợp sử dụng đất chưa thể hiện trên tài liệu bản đồ sử dụng để điều tra kiểm kê

1.2.2.3. Nguồn gốc số liệu thu thập tại phường và đánh giá độ tin cậy của số liệu thu thập

1.2.2.3.1. Nguồn gốc số liệu thu thập

Thu thập các hồ sơ, tài liệu, bản đồ, số liệu liên quan đến biến động đất đai trong kỳ kiểm kê đất đai trên địa bàn phường, hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai kỳ trước và kết quả thống kê đất đai hàng năm trong kỳ kiểm kê đất đai của phường; rà soát cơ sở dữ liệu đất đai; tiếp nhận Danh sách các trường hợp biến động trong năm thống kê đất đai và kỳ kiểm kê đất đai tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường do cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp thành phố, Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến. cụ thể như sau:

- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019;
- Kết quả thống kê số liệu hàng năm 2020, 2021, 2022, 2023;
- Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2020-2030;
- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024;
- Bản đồ địa chính;

- Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai;
- Bản đồ địa giới hành chính;
- Các hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển từ năm 2020 đến năm 2024;
- Báo cáo, số liệu, danh mục các công trình, dự án từ Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai;
- Trích đo bản đồ địa chính phục vụ đền bù, thu hồi, giải phóng mặt bằng;
- Rà soát, đối chiếu, đánh giá khả năng sử dụng, lựa chọn các tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập để sử dụng cho kiểm kê;
- In ấn bản đồ, biểu mẫu phục vụ cho điều tra, kiểm kê;
- Rà soát, thu thập ý kiến để xác định các khu vực có biến động trên thực địa trong kỳ kiểm kê cần chỉnh lý bản đồ, cần điều tra bổ sung, khoanh vẽ ngoại nghiệp;
- Rà soát, thu thập kiểm kê đất đai chuyên đề.

1.2.2.3.2. Đánh giá độ tin cậy của số liệu thu thập

Cơ quan chuyên môn của phường đã phân tích, rà soát, xác định nguồn gốc của các số liệu, tài liệu để xác định độ tin cậy, lựa chọn những tài liệu đủ cơ sở đưa vào sử dụng theo quy định. Số liệu trong hồ sơ địa chính và số liệu thu thập trên thực địa tại thời điểm kiểm kê được cập nhật và chỉnh lý chưa đồng bộ. Đối với diện tích biến động năm 2024, số liệu được theo dõi chỉnh lý về cơ bản tại thời điểm biến động, nên việc rà soát tổng hợp theo loại đất và đối tượng quản lý, sử dụng đất tương đối thuận lợi. Nguồn gốc số liệu phát sinh biến động trong năm chủ yếu từ các quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng, giao và cho thuê đất của cấp có thẩm quyền, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phường.

Trong quá trình thực hiện tiến hành điều tra ngoài thực địa, xác định hiện trạng sử dụng đất theo địa giới hành chính của phường đã xác định với sổ mục kê, sổ sách hiện có.

Căn cứ vào toàn bộ từ hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong năm, tổng hợp diện tích từng loại theo đối tượng quản lý, sử dụng đất, rà soát, đối chiếu trên sổ mục kê, sổ địa chính, sổ theo dõi biến động đất đai và bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Bổ sung, chỉnh lý đầy đủ các biến động, cân đối thống nhất số liệu giữa sổ sách, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tổng hợp số liệu vào biểu mẫu thống kê, thuyết minh cụ thể số liệu và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 của phường.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT THEO CÁC CHỈ TIÊU KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI; PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN BIẾN ĐỘNG VỀ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NĂM KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VỚI SỐ LIỆU CỦA 02 KỲ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI GẦN NHẤT

2.1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu kiểm kê đất đai

Bảng 2.1. Bảng cơ cấu sử dụng đất năm 2024

TT	Mục đích sử dụng	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Diện tích tự nhiên	266,06	100,00
1	Nhóm đất nông nghiệp	8,40	3,16
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	257,31	96,71
3	Nhóm đất chưa sử dụng	0,35	0,13

Tổng diện tích đất tự nhiên của phường là 266,06ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp là 8,40 ha, chiếm 3,16% DTTN;
- Đất phi nông nghiệp là 257,31 ha, chiếm 96,71% DTTN;
- Đất chưa sử dụng là 0,35ha, chiếm 0,13% DTTN.

Bảng 2.2. Bảng so sánh hiện trạng sử dụng đất năm 2024 và 2019

TT	Loại đất	Mã	Diện tích 2019 (ha)	Diện tích 2024 (ha)	Tăng(+) Giảm(-)
	Tổng diện tích		266,06	266,06	0
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	8,70	8,40	-0,3
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	1,44	1,52	+0,07
1.1	Đất trồng lúa	LUA			0
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC			0
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK			0
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1,44	1,52	+0,07
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4,63	4,61	-0,02
3	Đất lâm nghiệp	LNP	1,24	1,24	0
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD			0
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH			0
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	1,24	1,24	0
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			0
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,38	1,03	-0,35
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			0
6	Đất làm muối	LMU			0
7	Đất nông nghiệp khác	NKH			0
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	256,78	257,31	+0,53

TT	Loại đất	Mã	Diện tích 2019 (ha)	Diện tích 2024 (ha)	Tăng(+) Giảm(-)
1	Đất ở	OTC	141,38	144,58	+3,2
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT			0
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	141,38	144,58	+3,2
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,98	2,35	+0,37
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	2,64	1,92	-0,73
3.1	Đất quốc phòng	CQP	1,16	0,36	-0,81
3.2	Đất an ninh	CAN	1,48	1,56	+0,08
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	15,08	15,89	+0,81
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,33	1,08	-0,25
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,18	0,18	0
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,62	7,99	+0,37
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	4,58	4,99	+0,42
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT			0
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			0
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			0
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			0
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			0
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,37	1,64	+0,28
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	12,67	10,34	-2,33
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC			0
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK			0
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN			0
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			0
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,76	1,76	0
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10,91	8,58	-2,33
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			0
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	67,95	68,18	+0,23
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	62,71	62,47	-0,24
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	2,01	2,97	+0,96
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			0
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			0

TT	Loại đất	Mã	Diện tích 2019 (ha)	Diện tích 2024 (ha)	Tăng(+) Giảm(-)
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD			0
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,43	0,23	-0,2
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL			0
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,93	0,93	0
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,17	0,17	0
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,70	1,41	-0,29
7	Đất tôn giáo	TON	0,08	0,05	-0,03
8	Đất tín ngưỡng	TIN	0,37	0,37	0
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	0,26	0,26	0
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	14,38	13,38	-1
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	12,51	12,51	0
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,87	0,87	-1
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			0
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	0,57	0,35	-0,22
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT		0,20	+0,2
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	0,57	0,16	-0,42
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS			0
4	Núi đá không có rừng cây	NCS			0
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS			0

2.2. Phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất của năm kiểm kê đất đai với số liệu của 02 kỳ kiểm kê đất đai gần nhất (2019 và 2024)

Tổng diện tích tự nhiên tính đến ngày 31/12/2024 là 266,06ha; không biến động so với năm 2019.

2.2.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp tính đến ngày 31/12/2024 là 8,40ha; giảm 0,3ha so với năm 2019.

2.2.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp tính đến ngày 31/12/2024 là 257,31ha; tăng 0,53ha so với năm 2019.

2.2.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2024 là 0,35 ha giảm 0,22ha so với năm 2019.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHƯA THỐNG NHẤT VỀ ĐƯỜNG ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TRONG KỲ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI (NẾU CÓ)

Hiện nay trên địa bàn phường Phan Đình Phùng đang thực hiện dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Dự án 513) của Chính phủ đã tiến hành để cắm mốc địa giới hành chính. Hiện tại, các mốc địa giới được bảo vệ ổn định, không có tranh chấp với các đơn vị hành chính giáp ranh.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

Tăng cường quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý, sử dụng đất theo đúng pháp luật. Có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Lãnh đạo tiến hành đối thoại trực tiếp với nhân dân để kịp thời giải quyết các vướng mắc. Ký cam kết không vi phạm về đất đai giữa các hộ dân với chính quyền địa phương; không để tổ chức, hộ gia đình cá nhân lấn chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích.

Chủ động rà soát, phân loại đối với các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng tài nguyên, môi trường, trên cơ sở đó lập kế hoạch giải quyết, đề xuất phương án để từng bước giải quyết dứt điểm các vi phạm.

Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật về đất đai, cũng như chính sách về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Đầu tư thêm trang thiết bị làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đất đai.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Công tác kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn đã tuân thủ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Số liệu kiểm kê năm 2024 của phường Phan Đình Phùng đã phản ánh thực tế về tổng diện tích tự nhiên phường đang quản lý và sử dụng cũng như cơ cấu diện tích các loại đất theo mục đích sử dụng và đối tượng sử dụng, đối tượng quản lý.

Tài liệu, số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 là tài liệu quan trọng cho việc thực

hiện tổng hợp số liệu chung về đất đai của toàn thành phố, làm cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới, cung cấp số liệu để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và hoàn thiện chức năng quản lý nhà nước về các chính sách pháp luật về đất đai.

5.2. Kiến nghị

- Trong công tác quản lý, các đối tượng sử dụng đất phải được thực hiện thường xuyên chỉnh lý, cập nhật các biến động nhằm nắm rõ tình hình sử dụng đất của các thành phần và được thống nhất từ trên xuống dưới.

- Trong công tác cán bộ cần nâng cao chất lượng hơn nữa, như tham gia lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do UBND thành phố mở, đáp ứng nhu cầu trong công tác quản lý nhà nước hiện nay.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Thái Nguyên;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VP, ĐC.

CHỦ TỊCH

Trần Đình Thìn